

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HS-PT

Ngày 27/4/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu

Ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương là điểm cầu trung tâm và Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương là điểm cầu thành phần, xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 48/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Văn N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Văn N**, sinh năm 1988 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: KDC N, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N1 và bà Dương Thị T; không có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2022 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Kiểm sát viên và bà Trần Thu Hiền – Kiểm tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Ông Nguyễn Văn Chính – Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, Vũ Văn N làm lái xe thuê cho anh Nguyễn Công T, sinh năm 1990, trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Khoảng tháng 5 năm

2020, N vay tiền của anh T số tiền 28.000.000 đồng với lãi thỏa thuận miệng là 3000 đồng/1 triệu/ 1 ngày (N chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho anh T). Đến tháng 6 năm 2020, N tiếp tục hỏi vay tiền nhưng anh T không đồng ý. Anh T bảo với N phải có giấy tờ nhà đất làm tin thì mới cho N vay. N nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đưa cho anh T giữ làm tin để vay tiền.

N vào trang “*bán đất K*”, thấy có thông tin về việc giao bán thửa đất số 345, tờ bản đồ số 02, diện tích 100m², địa chỉ Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương, có hình ảnh của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này nên đã copy hình ảnh của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về điện thoại của N. Sau đó, N vào tài khoản facebook mang tên “Vũ Nam” rồi vào trang có tên “*Làm giấy tờ*” đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên N và thỏa thuận giá là 13.000.000 đồng, khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả sẽ giao tiền trực tiếp. N gửi hình ảnh của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà N copy ở trên mạng nêu trên cùng các thông tin cá nhân của N cho người này. Khoảng 4 đến 5 ngày sau, N gọi điện cho anh T hỏi vay số tiền 22.000.000 đồng và nói sẽ đưa cho anh T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên N để làm tin là N sẽ có trách nhiệm trả tiền vay của T. Khoảng 2 ngày sau N nhận được điện thoại của 01 người không quen biết làm dịch vụ chuyển hàng nhanh nói có hàng chuyển cho N, N hẹn gặp người này tại khu vực chợ K thuộc phường A, thị xã K. Sau đó, N gọi điện cho anh T để vay tiền, T đồng ý và cầm 22.000.000 đồng đến phường A để cho N vay. Khi gặp nhau, anh T đưa cho N số tiền 22.000.000 đồng. N thanh toán 13.000.000 đồng cho người chuyển hàng và N nhận gói hàng. Sau khi kiểm tra thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đầy đủ thông tin của mình, N đưa cho anh T cầm để làm tin. Đến ngày 08/7/2020, N tiếp tục hỏi vay của T số tiền 35.000.000 đồng, anh T không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N đưa cho là giả nên đồng ý cho N vay tiếp số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 25/9/2020, N và anh T viết giấy chốt nợ cho 03 lần vay tổng số tiền là 89.000.000 đồng (trong đó có cộng thêm cộng thêm 3.000.000 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng tiền cho N vay trước đó) và thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, có giao cho anh T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để làm tin, thời hạn vay là 06 tháng.

Do anh T nghi ngờ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên hỏi N thì N thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N đưa cho T là giả. Sau đó N tiếp tục vay của anh T thêm 61.000.000 đồng. Anh T đồng ý cho N vay tiền và yêu cầu N viết giấy chốt vay 04 lần tổng số là 150.000.000 đồng và thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Sau đó N không làm thuê cho T nữa, anh T nhiều lần đòi tiền vay nợ nhưng N không trả. Ngày 6/11/2020 anh T có đơn trình báo đến Công an phường L và giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Tại Kết luận giám định số 19/KLGT ngày 10/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BY957947 đứng tên Vũ Văn N, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương (ký hiệu A) là giả toàn phần gồm phôi, hình dấu, chữ ký, dấu chức danh.

Kết quả điều tra xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 345, tờ bản đồ số 02 diện tích 100 m², địa chỉ tại Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào thời điểm từ năm 2014 đến năm 2020 đứng tên vợ chồng anh Đồng Văn T1, sinh năm 1980 và chị Phạm Thị T sinh năm 1982, đều trú tại thành phố Hải Phòng. Đến đầu năm 2020, anh T1 có chụp hình ảnh bìa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gửi cho những người liên lạc muốn mua. Ngày 13/11/2020 vợ chồng anh T1 chuyển nhượng lại thửa đất này cho bà Đinh Thị T2, sinh năm 1950, trú tại huyện T – tỉnh Hải Dương.

Ngày 10/8/2021, N đã trả số tiền 50 triệu đồng, anh T yêu cầu N còn phải trả số tiền vay gốc là 97.000.000 đồng. Ngày 20/2/2023 N đã tác động gia đình trả nốt số tiền còn lại 97.000.000 đồng cho anh T, anh T có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21/3/2022, Tòa án nhân dân thị xã K căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS; xử phạt N 13 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tại bản án phúc thẩm số 62/2022/HS-PT ngày 22/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hủy bản án sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã K và chuyển hồ sơ để điều tra lại, giải quyết theo thủ tục chung do cơ quan điều tra, truy tố bỏ lọt tội phạm là hành vi gian dối của bị cáo nhằm chiếm đoạt tiền của anh T.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân thị xã K căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với cả 2 tội); điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 55 của Bộ luật hình sự; xử phạt Vũ Văn N 02 năm 05 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm 04 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 tội là 04 năm 09 tháng tù. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/3/2023 bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo N giữ nguyên kháng cáo, trình bày bị cáo không tự làm ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) giả và khi không có GCNQSDĐ

giả thì anh T vẫn cho bị cáo vay tiền; ngoài ra trong thời kỳ dịch bệnh bị cáo có ủng hộ quỹ phòng chống Covid-19 ở địa phương 1.000.000 đồng, bị cáo đã cung cấp tài liệu tại giai đoạn điều tra. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS là đúng pháp luật nhưng xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS là không có căn cứ vì bị cáo chỉ nhờ người khác làm giả GCNQSDĐ. Tuy nhiên tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định cùng một điều luật và quyết định một hình phạt nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà chỉ cần sửa bản án theo hướng không áp dụng tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt N 02 năm 05 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp; do bị cáo chỉ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mà không phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo từ 01 đến 03 tháng tù. Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm; tuyên bố Vũ Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”), điểm g khoản 1 Điều 51 (đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”), Điều 38, Điều 55 BLHS; xử phạt N 02 năm 05 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 02 năm 01 tháng đến 02 năm 03 tháng tù đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 năm 06 tháng đến 04 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/12/2022. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Sau khi tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định cùng những chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ

án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 6/2020, tại thị xã K, tỉnh Hải Dương, do cần tiền nên Vũ Văn N nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình, đưa cho anh Nguyễn Công T làm tin để vay tiền. N đã thuê người trên mạng xã hội facebook làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vũ Văn N, thửa số 345, tờ bản đồ số 02, diện tích 100m², địa chỉ: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh Hải Dương do UBND thị xã K cấp. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, N đã đưa cho anh Nguyễn Công T làm tin để vay tiền 02 lần, anh T tin là thật nên đã cho N vay tiền (trong đó một lần khoảng tháng 6/2020 N vay 22.000.000 đồng và một lần vào tháng 7/2020 N vay 35.000.000 đồng). Sau đó, anh T đã nhiều lần đòi tiền nhưng N không trả. N sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa chiếm đoạt tiền của anh T tổng là 57.000.000 đồng. Bị cáo đã 04 lần vay tiền của anh T trong đó lần đầu là 28.000.000 đồng; sau đó bị cáo vay tiền nhưng anh T không đồng ý nên bị cáo thuê người làm giả GCNQSDĐ đưa cho anh T làm tin và tiếp tục vay tiền lần hai là 22.000.000 đồng, lần ba là 35.000.000 đồng; lần thứ tư anh T đã biết GCNQSDĐ của bị cáo là giả nhưng vẫn cho bị cáo vay 61.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chỉ xác định số tiền ở lần thứ hai và thứ ba là tiền bị cáo lừa chiếm đoạt của anh T là có căn cứ. Mặt khác, bị cáo thuê người làm giả GCNQSDĐ, mặc dù bị cáo không rõ cách thức làm giả tài liệu như thế nào nhưng bị cáo đã cung cấp hình ảnh GCNQSDĐ và các thông tin cần thiết để làm giả GCNQSDĐ nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do đó Tòa án nhân dân thị xã K xét xử N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật; không chấp nhận đề nghị của VKS về việc xác định N không phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[3] Về hình phạt: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo 02 năm 05 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 năm 04 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo trình bày thời kỳ dịch bệnh bị cáo từng ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid-19 ở địa phương số tiền 1.000.000 đồng và đã cung cấp trong giai đoạn điều tra, tuy nhiên hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện điều này. Như vậy tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Đại diện VKS đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 01 đến 03 tháng tù do bị cáo chỉ phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, không phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng như đã phân tích ở trên thì hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” nên không có

căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện VKS, cần y án sơ thẩm về tội danh, hình phạt.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; không chấp nhận kháng cáo của Vũ Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

1. Về điều luật: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với cả 2 tội); điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

2. Về tội danh: Tuyên bố Vũ Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

3. Về hình phạt: Xử phạt Vũ Văn N 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc Vũ Văn N chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/12/2022.

4. Về án phí: Vũ Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/4/2023.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã K (02 bản);
- VKSND thị xã K;
- CQTHAHS – CA tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT – CA thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy